

PHẬT GIÁO THIỀN TÔNG VIỆT NAM

Chùa Vạn Đức – Hội An - 2002

Hôm nay đủ duyên tôi về chùa Vạn Đức thăm viếng và nói pháp cho tất cả Tăng Ni Phật tử nghe. Thời pháp này nội dung chuyên đề về Thiền tông, nhằm giúp quý vị biết rõ đường lối tu thiền của Tổ tiên mình từ trước.

Nói đến Phật giáo Việt Nam chúng ta không thể nào bỏ qua đường lối tu thiền của chư Tổ từ xưa. Nếu xét kỹ đường lối đó thì thấy rõ ràng Phật giáo Việt Nam là một Phật giáo Thiền tông. Thế kỷ thứ VI tổ Tỳ-ni-đa-lưu-chi từ Ấn Độ sang Trung Hoa học đạo với tổ Tăng Xán. Sau khi ngộ đạo, được tổ Tăng Xán dạy đi về phương Nam truyền bá thiền tông, do đó Ngài sang Việt Nam ở tại chùa Dâu.

Tổ Tỳ-ni-đa-lưu-chi được xem ngang với Tổ thứ tư ở Trung Hoa là ngài Đạo Tín. Đến thế kỷ thứ IX có ngài Vô Ngôn Thông là đệ tử tổ Bá Trượng ở Trung Hoa, sang Việt Nam truyền thiền nên có phái thiền Vô Ngôn Thông. Sau này có ngài Thảo Đường, khi nhà Lý chinh phục Chiêm Thành bắt được một số quan nhân đem về Việt Nam, trong đó có ngài. Đến Thăng Long mới phát hiện ngài là Thiền sư, từ đó các vua quan nhà Lý rất kính phục, tôn sùng và Ngài trở thành Tổ của phái thiền Thảo Đường ở Việt Nam. Như vậy từ thế kỷ thứ VI đến thế kỷ thứ X, Thiền tông hưng thịnh ở Việt Nam do ba hệ phái Tỳ-ni-đa-lưu-chi, Vô Ngôn Thông và Thảo Đường.

Đến khi Thái tử Trần Khâm tức vua Trần Nhân Tông sau này, được vua Trần Thánh Tông gởi qua Tuệ Trung Thượng Sĩ học đạo lý. Khi từ giả trở về, Thái tử hỏi: “Mục tiêu chủ yếu của thiền là gì?” Ngài Tuệ Trung Thượng Sĩ trả lời: “Phản quan tự kỷ bốn phần sự, bất tùng tha đắc”, nghĩa là quay lại chiếu soi nơi mình, đó là phận sự chính, không phải từ bên ngoài mà được. Nên biết Thiền mà Thượng Sĩ nói cho vua Trần Nhân Tông nghe là sự phản quan nội tâm mình để được ngộ đạo, chớ không chuyện gì khác.

Sau khi đăng vị, vua Trần Nhân Tông vừa lo việc trị nước vừa nghiên cứu nội điển để tu tập, không phút nào lơ là. Ở ngôi một thời gian, thấy đã có người kế thừa, năm 41 tuổi Ngài trao hết quyền hành cho con và đi xuất gia. Ngài lên núi Yên Tử và rừng Trúc ở Ngọa Vân Am chuyên tu. Năm năm tu khổ hạnh tại rừng Trúc, ngài hoàn toàn ngộ đạo, vì vậy có hiệu là Trúc Lâm Đại Đầu Đà. Từ đó Ngài mới đi truyền bá, lập thành hệ phái thiền Trúc Lâm Yên Tử.

Hệ phái Trúc Lâm Yên Tử ra đời đầu gồm tinh ba của ba hệ phái Tỳ-ni-đa-lưu-chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường kết tụ thành hệ phái thiền thuần túy

Việt Nam. Từ khi có hệ phái Trúc Lâm Yên Tử ra đời, các hệ phái kia đều vắng mặt không còn phát triển nữa. Nhưng từ thế kỷ thứ XIII đến thế kỷ thứ XV nhà Trần mất, nhà Lê lên. Vì sợ ảnh hưởng của nhà Trần nên nhà Lê không chấp nhận Phật giáo mà chấp nhận Nho giáo. Từ đó hệ phái Trúc Lâm Yên Tử lần lần tiêu mòn cho đến mất tung tích.

Đến thế kỷ XVIII, XIX Việt Nam chia làm hai: đảng trong và đảng ngoài. Đảng ngoài có vua Lê, đảng trong thì chúa Nguyễn. Đảng trong chúa Nguyễn thỉnh các Tổ từ Trung Hoa thuộc hệ phái Lâm Tế sang truyền bá Phật pháp, như ngài Nguyên Thiều... Đảng ngoài vua Lê cũng thỉnh các Tổ Trung Hoa thuộc hệ phái Lâm Tế hoặc Tào Động như ngài Chuyết Công... Ngài Liễu Quán là Thiền sư Việt Nam, chịu ảnh hưởng của tông Lâm Tế đảng trong. Các Tổ hiện thời nhà Nguyễn đều chịu ảnh hưởng của hệ phái Lâm Tế.

Nói tổng quát lịch sử Phật giáo nước ta, từ thế kỷ thứ III mãi cho đến ngày nay, các Tổ đều tu thiền. Hiện giờ tất cả quý vị đa số thờ kính tổ Lâm Tế, nhưng có biết ngài tu như thế nào, ngộ đạo ra sao chưa? Chư Hòa thượng mình, vị nào tịch cũng đều để “Tứ Lâm Tế” hoặc Chánh tông hoặc Gia phả, như vậy các Ngài đều thừa kế dòng Lâm Tế. Thế thì tổ Lâm Tế là người thế nào, tu và ngộ đạo ra sao mà truyền bá dòng thiền cho tới ngày nay? Đó là một vấn đề chúng ta tu theo Phật, theo Tổ có bổn phận phải nghiên ngẫm, tra cứu cho tường tận.

Thật ra đa số chư Tăng Ni chúng ta còn hơi hợt quá, xưa bày nay làm vậy thôi, chớ không chịu tra cứu. Tôi là người hơi khó tính, làm việc gì phải biết rõ đầu đuôi gốc ngọn mới chịu, còn biết không rõ thì không làm. Vì vậy tôi phải tra cứu kỹ về lịch sử chư Tổ, nhờ thế biết được chút ít về hành trạng các Ngài. Do đó mới có quyển Thiền sư Việt Nam ra đời, bổ khuyết phần nào cho những thiếu sót của chúng ta về lịch sử Tổ tiên mình.

Giờ đây tôi dẫn riêng tổ Lâm Tế, là một Thiền sư Trung Hoa nhưng có ảnh hưởng sâu đậm với thiền tông Phật giáo Việt Nam cho quý vị hiểu đại khái. Tổ Lâm Tế hiệu Nghĩa Huyền, ở cuối đời Đường. Ngài phát tâm tu rất thiết tha, bình nhật ít nói nhưng hiểu đạo sâu xa thâm thúy. Ngài tới hội của Thiền sư Hoàng Bá - Hy Vận, tức đời thứ tư sau Lục Tổ Huệ Năng. Là người nhiệt tâm cầu đạo, tu hành cần mật, hạnh kiểm tề chỉnh nghiêm trang, nên trong chúng ai cũng kính nể Ngài.

Ở trong hội đã lâu, nhưng không thấy Ngài lên hỏi tổ Hoàng Bá câu nào hết. Hôm đó Thủ tọa Trần Tôn Túc khuyên: “Huynh ở đây lâu quá, sao không hỏi thầy câu nào vậy?” Ngài nói: “Tôi biết hỏi gì đây?” Trần Tôn Túc khuyên Ngài hỏi câu: “Thế nào là đại ý Phật pháp?”, Ngài nhận lời.

Hôm đó tổ Hoàng Bá thăng đường thuyết pháp. Ngài bước ra hỏi: “Bạch Hòa thượng, thế nào là đại ý Phật pháp?” Tổ không nói câu nào hết, đập cho một gậy rồi đuổi xuống. Ngài cũng đi xuống. Năm ba hôm sau, Thủ tọa xúi tiếp: “Huynh lên hỏi nữa đi”. Ngài đáp y đàng hoàng lên hỏi: “Bạch Hòa thượng, thế nào là đại ý Phật pháp?” Tổ Hoàng Bá đập cho một gậy nữa đuổi xuống. Bấy giờ Ngài bắt đầu hoang mang trong lòng, nhưng cũng không dám nói gì. Đến lần thứ ba, Thủ tọa thúc: “Huynh lên hỏi một lần nữa đi”. Ngài nghe lời, hỏi lần nữa: “Bạch Hòa thượng, thế nào là đại ý Phật pháp?” Tổ đánh cho một gậy nữa đuổi xuống.

Lần này hết chịu nổi Ngài khóc, nghĩ chắc mình không còn duyên ở đây. Ba lần hỏi Phật pháp, ba lần ăn đòn mà Tổ không dạy một câu, như vậy là sao? Đau khổ quá Ngài sửa soạn cuốn gói đi. Bấy giờ ngài Trần Tôn Túc đến nói nhỏ: “Trước khi đi huynh lên từ giã Hoà thượng rồi hãy đi”. Đồng thời Trần Tôn Túc cũng ngậm bạch với Hòa thượng: “Huynh Nghĩa Huyền đạo đức rất thâm hậu, xin Hòa thượng từ bi chỉ cho, chớ để uổng một bậc pháp khí”. Ngài Hoàng Bá đồng ý “Được, bảo ông ấy lên đây”.

Khi lên từ giã, Ngài thưa: “Bạch Hòa thượng, con không có duyên ở đây, xin đi nơi khác”. Ngài Hoàng Bá hỏi: “Ông định đi đâu?” Ngài thưa: “Con cũng không biết đi đâu”. Khi đó Hoàng Bá bảo: “Ông nên qua chỗ Thiền sư Đại Ngu, ở đó Đại Ngu sẽ chỉ cho”. Ngài khăn gói đi tới Thiền sư Đại Ngu.

Tới nơi, đánh lễ thưa thỉnh xong, ngài Đại Ngu hỏi: “Ông ở đâu đến?” Ngài đáp: “Con ở chỗ Hoàng Bá đến”. Ngài Đại Ngu lại hỏi: “Hoàng Bá dạy ông những gì?” Ngài nói: “Bạch Hòa thượng, con ba lần thưa hỏi đại ý Phật pháp, ba lần ăn đòn, con không biết có lỗi hay không lỗi?” Đại Ngu nói: “Hoàng Bá thật là tâm lão bà, chỉ cho ông chỗ tột cùng rồi, ông còn thấy có lỗi không lỗi”. Ngay câu đó Ngài đại ngộ, liền thốt lên: “Phật pháp của Hoàng Bá rất ít”. Ngài Đại Ngu nắm đứng hỏi: “Người thấy cái gì mà nói Phật pháp Hoàng Bá rất ít”. Ngài thoi vô hông của Đại Ngu một cái. Bấy giờ Thiền sư Đại Ngu buông ra nói: “Thầy của người là Hoàng Bá, chẳng liên can gì đến ta. Hãy về bên đó đi”.

Ta thấy người xưa dạy đạo và ngộ đạo lạ đời. Tại sao khi đã ngộ đạo ngài Lâm Tế ngang ngược như vậy, thầy hỏi thấy cái gì không nói câu nào, lại thoi cho một thoi. Thế mà được khen “Thầy của ông là Hoàng Bá”. Thật là bí hiểm, ai đọc sử tới đây cũng lắc đầu, chẳng biết ngộ ở đâu? Đó cũng chính là điểm đặc biệt của các Thiền sư.

Câu nói của ngài Đại Ngu hết sức nhẹ nhàng, “Hoàng Bá thật là tâm lão bà, đã chỉ chỗ tột cùng, mà ông còn thấy có lỗi không lỗi”. Tâm lão bà là

tâm mẹ thương con, thương đáo đẽ. Bởi vì đại ý Phật pháp không có chỗ cho ta mở miệng. Vừa mở miệng hỏi, vừa phân biệt phải quấy đúng sai là không phải đại ý Phật pháp rồi. Đại ý Phật pháp là chỗ tâm hằng hữu không kẹt hai bên, mà mở miệng là đã kẹt hai bên. Cho nên nghe câu hỏi này, tổ Hoàng Bá chỉ còn đập chớ không nói được. Nếu nói thì kẹt hai bên mất rồi. Nhưng ngài Lâm Tế lúc đó chưa hiểu, thấy Tổ hành động như vậy dường như hơi tàn nhẫn, không dạy mà đánh. Do đó Ngài đau khổ cùng cực nên từ giã ra đi.

Khi ấy Hoàng Bá biết Đại Ngu là bạn mình, sẽ hiểu chỉ yếu Ngài muốn chỉ dạy nên dặn Lâm Tế qua chỗ Đại Ngu. Ngài Lâm Tế trình bày tự sự và thưa: “Không biết con có lỗi hay không lỗi?” Ngay câu đó, ngài Đại Ngu phá cho một câu sạch hết mối mang: Hoàng Bá rất tha thiết chỉ cho ông, ông còn thấy có lỗi không lỗi, tức còn thấy hai bên, làm sao nhận được chỗ dạy của Hoàng Bá? Nghe tới đó ngài Lâm Tế giật mình ngộ đạo liền, mới biết vừa dấy niệm là hai bên.

Đại ý Phật pháp là chỗ vô ngôn, vừa mở miệng đã trật rồi. Ngài Lâm Tế nói “Phật pháp Hoàng Bá rất ít” vì đã ngộ được yếu chỉ kia. Do đó khi nghe Đại Ngu hỏi, biết chỗ ấy nói không được nên Ngài mới thoi vào hông Đại Ngu một thoi. Thiền sư Đại Ngu biết Lâm Tế ngộ được hoàn toàn yếu chỉ vô ngôn rồi nên mới bảo trở về Hoàng Bá. Từ đó về sau, Lâm Tế nổi tiếng là con người kỳ đặc trong giới Thiền sư.

Sở dĩ ngài nổi tiếng kỳ đặc là nhờ ba lần ăn gậy của Tổ sư. Chúng ta bây giờ học đạo dễ quá, quí thầy giảng cho hiểu dễ tu. Tu được hay không cũng không sao, chẳng ai dám rầy rà gì. Hồi xưa chư Tổ dồn đẽ từ tới chỗ chết, khi bừng sáng ra, vĩnh viễn không còn ngờ vực nữa. Hai bên, tinh thần dạy và học khác nhau rất xa, vì vậy kết quả cũng không giống nhau.

Sau này tổ Lâm Tế khi dạy người, ai tới hỏi gì Ngài chỉ hét một tiếng chớ không trả lời. Như hỏi “thế nào là đại ý Phật pháp?”, Ngài hét cho một tiếng rồi thôi. Thế thì tiếng hét đó có ngôn ngữ hay không ngôn ngữ? Chỉ có tiếng hét thôi nên nó không thuộc về ngôn ngữ phân biệt. Nhờ vậy thiền tông mới được truyền bá lâu dài.

Nói thế, song trên thực tế có lúc ngài Lâm Tế dạy tu rất rõ ràng. Tội có dịch cuốn Lâm Tế Ngữ lục, trong đó những buổi thuyết pháp, Ngài đã hỏi tăng chúng: “Các ông đang nghe pháp đây là cái gì đang nghe?” Ngài muốn chỉ khi chúng ta đang nghe pháp, lắng lòng không niệm nào dấy động, thì cái nghe đó là ai? Hoặc có khi Ngài nói “Trong cục thịt đồ có chân nhân không ngồi vị”, nghĩa là nơi thân xác thịt của chúng ta có cái chân thật, mà kinh gọi là Phật

tánh. Cái đó phát ra ở đâu? Ở mắt, tai, mũi, lưỡi, thân của chúng ta mà mình mê nên không nhận được.

Từ đời Tống trở về sau, đồ đệ của Ngài thấy dùng hết hoặc đánh mãi không ổn nên mới dạy tu thiền bằng câu thoại đầu. Nghĩa là nói một câu bí mật, bất hành giả nghiền ngẫm hoài tới chừng nào thành khối nghi. Khối nghi này được nuôi lớn tới bao giờ vỡ tan thì ngộ đạo. Thí dụ như câu: “Trước khi cha mẹ chưa sanh ta là ai?” Cứ đặt câu hỏi “ta là ai” hay “ta là gì”, trong đầu ôn tới ôn lui mãi. Chỉ nhớ một câu đó không thêm học, không thêm tính toán, không thêm suy nghĩ gì hết, cứ dồn câu đó mãi vô đầu mình. Một ngày nào câu đó thành khối rồi vỡ tan ra là khán thành công. Đó là lý do hệ Lâm Tế từ đời Tống về sau dạy dùng câu thoại đầu. Tới thiền Lâm Tế sang Việt Nam, chúng ta cũng ảnh hưởng cách dạy này. Mạnh mối hệ thống tông Lâm Tế rất rõ ràng. Ngày nay tại nước ta có nhiều vị tu theo thoại đầu, đó là theo hệ tông Lâm Tế.

Riêng tôi trong thời gian nhập thất tu cũng sử dụng câu thoại đầu. Tôi đề riết tới một hôm đề không lên, không biết làm sao tôi đành bó tay, lay Phật khóc thôi. Dường như tôi không có duyên với thiền thoại đầu. Bảy giờ ngồi đọc lại tạng kinh, đọc hết ba mươi ba vị Tổ từ Ấn Độ tới Trung Hoa, đọc sang các vị tổ Nhật Bản, tìm kiếm manh mối tu thiền ở chỗ nào, mà mình không có duyên. Đọc tới câu chuyện ngài Huệ Khả đối đáp với tổ Đạt-ma, tôi lấy làm lạ.

Tổ Đạt-ma khi sang Trung Hoa truyền đạo, Ngài gặp vua Lương Võ Đế, nhưng đáng tiếc nhà vua không lãnh hội được yếu chỉ của Ngài. Vì vậy Tổ trở về núi Tung Sơn ở chùa Thiếu Lâm, chín năm xây mặt vào vách. Cho rằng mình chưa gặp người có duyên để truyền bá, nên ngài cứ ngồi im lặng không nói gì hết. Bảy giờ có Thiền sư Thần Quang học hỏi Phật pháp đã lâu mà chưa ngộ được. Nghe tin Tổ ở chùa Thiếu Lâm, ngài tìm tới xin học đạo, nhưng Tổ vẫn im lặng ngồi xây mặt vào vách. Vì thế Thần Quang đứng suốt đêm ngoài trời chấp tay hướng về Tổ, tới sáng tuyết ngập lên tới đầu gối. Tổ nhìn ra thấy, hỏi: Người muốn cầu gì mà khổ hạnh vậy? Ngài thưa: Bạch Hòa thượng, con muốn cầu pháp môn cam lồ để được giải thoát. Tổ nói: Người xưa học đạo hy sinh cả thân mạng, liệu chết mới có thể được. Ông chỉ dùng chút ít khổ hạnh này làm sao cầu đạo vô thượng? Nghe thế, ngài Huệ Khả đi xuống bếp mượn dao chặt một cánh tay dâng lên Tổ nói: “Con xin dâng cánh tay này để cầu đạo”. Tổ nhìn thấy nói: “Khá đó”, mới nhận làm đệ tử đổi tên Thần Quang thành Huệ Khả, nghĩa là người có trí tuệ khá đó.

Tôi thường gọi đây là câu chuyện chàng dũng sĩ chặt tay. Song e rằng đây là truyền thuyết chứ

không phải sự thật. Vì nếu chặt tay phải băng bó, chớ máu tuôn dầm dề làm sao đem dâng Tổ được. Lại nữa, về sau đọc sử không thấy chỗ nào nói ngài Huệ Khả cụt tay hết. Có thể người xưa dạy chúng ta tu hành muốn đạt đạo thì phải hy sinh, chớ không dễ dàng lười biếng hay tầm thường được. Do đó các Ngài mượn hình ảnh Tổ chặt tay để răn dạy chúng ta thôi, chớ không đến nỗi như vậy.

Sau khi nhận làm đệ tử rồi, một hôm ngài Huệ Khả thưa với Tổ: “Bạch Hòa thượng, tâm con không an. Xin Hòa thượng dạy con pháp an tâm”. Tổ Đạt-ma nhìn thẳng vào ngài Huệ Khả nói: “Đem tâm ra ta an cho”. Ngài Huệ Khả hoảng hốt quay lại tìm xem tâm ở đâu. Tìm hoài không thấy mới thưa: “Bạch Hòa thượng, con tìm tâm không được”. Tổ bảo: “Ta đã an tâm cho ngươi rồi”. Ngay đó ngài Huệ Khả biết đường tu, biết pháp an tâm.

Người xưa rất tiếc lời, không nói trắng nói thẳng như mình ngày nay. Hỏi pháp an tâm, Tổ nhìn thẳng bảo “Đem tâm ra ta an cho”. Ngài Huệ Khả rất thật thà, nghe thế liền xoay lại tìm tâm. Tìm hoài không được, thưa thật với Tổ: “Dạ con tìm tâm không được”. Tổ bảo “Ta đã an tâm cho ngươi rồi”. Đó là vấn đề mà người ta đọc sử thường cho qua suông, không cố ý tìm sâu ý nghĩa của nó.

Ngày xưa tôi cũng thấy chư Tổ như đùa cợt chơi vậy, không chịu chỉ dạy cho mình. Sau này đủ duyên nhập thất, tôi mới hiểu ra. Khi bảo ngài Huệ Khả tìm tâm, tìm không được, Tổ bảo “Ta đã an tâm cho ngươi rồi”, quả là câu nói kỳ diệu phi thường, nhưng vì chúng ta hời hợt quá nên không biết. Ngài Huệ Khả xoay lại tìm tâm lăng xăng xem nó ở đâu thì nó mất tâm mất dạng. Tâm bất an ấy đã mất thì an tâm chớ gì. Khi chạy lăng xăng nó không an, bây giờ nó mất tức là an rồi. Đó là Tổ đã chỉ cho cách an tâm.

Cho nên muốn tâm an chỉ cần phản quan nhìn lại thì an ngay. Rất là thẳng tắt. Bởi vậy Tổ Đạt-ma có bốn câu kệ làm tiêu chuẩn của Thiền tông:

Bất lập văn tự,

Giáo ngoại biệt truyền.

Trực chỉ nhân tâm,

Kiến tánh thành Phật.

Bất lập văn tự, nghĩa là không lập văn tự. Chẳng hạn như câu đáp trên của Tổ đầu thuộc văn tự gì. Giáo ngoại biệt truyền, là truyền ngoài giáo lý. Trực chỉ nhân tâm là chỉ thẳng tâm người. Kiến tánh thành Phật là thấy tánh thành Phật. Nếu ta phản quan nhìn lại tâm lăng xăng thì nó lặng, chứng tỏ tâm đó hư dối không thật. Khi tâm hư dối lặng rồi,

ta liền nhận ra bản tánh Phật của mình. Thế nên nói trực chỉ, chỉ thẳng chớ không quanh co, vòng vo gì hết.

Sau thời gian tu nữa, ngài Huệ Khả bạch với Tổ: “Bạch Hòa thượng, con đã bật hết các duyên”. Tổ bảo: “Coi chừng rơi vào không”. Ngài Huệ Khả thưa: “Rõ ràng thường biết, làm sao không được!” Tổ liền ấn chứng: “Ông được như vậy, ta cũng như vậy, chư Phật đều như vậy”. Thế là ngài Huệ Khả được Tổ truyền tâm ấn. Thật kỳ đặc.

Dứt hết các duyên là gì? Là đối với sáu trần không còn dính mắc nữa. Không còn dính với sáu trần thì tâm không còn lộn xộn, hoàn toàn an trú. Nghe thế Tổ sợ rơi vào không ngộ, nên nói “coi chừng rơi vào không”. Ngài thưa “Rõ ràng thường biết làm sao không được!” Đến đây Tổ mới xác nhận và ấn chứng cho chỗ ngộ của ngài Huệ Khả là thấu triệt.

Đường lối Thiền tông là đường lối thẳng tắt, không quanh co, không mượn phương tiện. Song chư Tổ tạm mượn mười mục chần trâu khéo diễn đạt rất đầy đủ từng giai đoạn tu tập của thiền giả. Ở đây tôi lược nói qua về mười bức tranh chần trâu ấy cho quý vị có khái niệm. Muốn hiểu sâu bản thân mỗi vị phải thực hành mới được.

Mục thứ nhất Tim trâu. Con trâu tượng trưng cho tâm ngũ nghịch lằng xằng. Bây giờ nó đang hoang đàng, ta tìm xem nó ở đâu. Đây chính là chỗ tổ Huệ Khả tìm tâm bất an. Tìm được trâu rồi phải chinh phục nó. Khi chịu phép đầu hàng trâu trở thành hiền ngoan. Lăn lăn trâu mất luôn, chỉ còn thẳng chần. Sau đó thẳng chần cũng không còn. Không còn trâu không còn chần, bây giờ chỉ còn một bầu trời hiện trắng sáng. Theo Thiền tông, đến đây còn phải qua giai đoạn chim bay về tổ, lá rụng về cội tức thể nhập Pháp thân. Thế nhập Pháp thân rồi mới ứng hóa tùy duyên, là hình ảnh ông già quẩy bình rượu xách cá chép, vào trong xóm làng hóa độ chúng sanh.

Chư Tổ Thiền tông dạy chúng ta phải phản quan nhìn lại những lằng xằng mà lâu nay chúng ta cho là tâm mình đó, coi nó ở đâu. Tìm lại nó mất tiêu thì tự an chớ gì. Không có một phương pháp nào, chỉ phản quan bằng trí tuệ của mình. Trí tuệ nhìn lại là thẳng chần, vọng tưởng bị mình nhìn là con trâu. Lúc đầu trâu hoang đàng lắm, chạy tứ tung hết, không dừng nghỉ chút nào. Nhưng ta chịu khó nhìn mãi lâu ngày mới chần giữ được nó. Lúc đầu trâu hung hăng quá thẳng chần phải có roi, có vằm xỏ mũi lôi đi, lặn lặn nó mới trở thành con trâu ngoan hiền. Đức Phật dạy chúng ta giữ giới luật là sợi dây xỏ mũi, là cây roi đánh cho trâu thuần hòa trở lại. Bởi vậy người không giữ giới luật tu thiền rất khó định, niệm Phật cũng khó nhất tâm.

Tất cả quý vị thấy thân mình thật không? Nếu thật thì trẻ hoài, không già không chết. Ngày nay còn, ngày mai mất, làm sao thật được. Thân không thật mà chúng ta tưởng thật, đó là mê lầm lớn lao. Từ cái mê lầm về thân nên mới sanh ra chuyện giành giật từng món ăn, từng cái mặc, khổ sở đủ thứ hết. Kể đó, quý vị thường cho rằng buồn là mình, thương là mình, giận là mình, ghét là mình. Khi giận nói tôi giận quá, như vậy chấp cái giận là tôi. Khi buồn nói tôi buồn quá, chấp cái buồn là tôi. Khi ghét nói tôi ghét quá, chấp cái ghét là tôi. Cứ chấp nhận những tâm buồn thương, giận ghét, hơn thua, phải quấy là tâm mình, cho đó là tinh thần của mình.

Bên ngoài chấp thân tứ đại tạm bợ làm thân, bên trong chấp tâm sanh diệt buồn thương, giận ghét đổi thay luôn luôn làm tâm. Bám vào hai thứ giả dối sanh diệt cho là mình, rồi từ đó tạo nghiệp. Thương thì bày ra chuyện này chuyện kia để gần nhau, ghét cũng bày ra chuyện này chuyện kia để hại nhau. Cứ thế suốt đời tạo nghiệp không dừng, đó là nhân dẫn đi trong luân hồi sanh tử. Bây giờ muốn thoát ly luân hồi sanh tử phải làm sao? Phải dừng tâm tạo nghiệp.

Thân làm ác, miệng nói ác là từ tâm buồn thương, giận ghét đó xúi giục, sai khiến. Cho nên nó là gốc của trầm luân sanh tử. Nhưng tâm đó luôn đổi thay như chong chóng, không thật. Ôm áp cái tâm không thật cho là tâm mình, rồi theo đó chịu khổ, có phải si mê quá không? Bây giờ biết nó không thật, ta dừng theo nữa, để cho nó lặng. Nó lặng rồi thì tâm chân thật hiện tiền.

Có khi nào quý vị ngồi chơi dưới cội cây hay trong sân chùa, nhìn tất cả cảnh chung quanh không nghĩ gì hết, không có ý niệm nào hết, lúc đó có mình hay không có mình? Có. Mình ở đâu? Khi không có cái giả dối, cái chần thật hiện tiền. Không nghĩ suy, không khởi niệm nhưng ta vẫn thấy, vẫn nghe, chớ đâu phải không biết gì. Lâu nay chúng ta cứ ngỡ suy nghĩ là mình, bây giờ suy nghĩ lặng rồi, cái biết vẫn hiện tiền. Cái biết hiện tiền đó không tướng mạo, không sanh diệt mà mình bỏ quên từ muôn đời muôn kiếp. Cho nên Phật dạy chúng ta phải dừng tâm sanh diệt, thì tâm chân thật mới hiện tiền.

Chúng ta tu thiền để làm gì? Để phá tan tâm vọng tưởng lằng xằng đó. Trong kinh Hoa Nghiêm Phật nói rõ: “Tất cả chúng sanh đều có đầy đủ đức tướng Như Lai”, nhưng vì vọng tưởng điên đảo che phủ nên có mà không thấy. Lâu nay ta cứ chấp nhận tâm lằng xằng là mình nên cái chân thật bị phủ che. Bây giờ muốn cái chân thật ấy hiện ra thì tâm lằng xằng phải lặng. Thuật dạy khán thoại đầu trong nhà thiền cũng để chết tâm lằng xằng này. Chết tâm ấy rồi mới nhận ra tâm chân thật của mình, gọi là ngộ đạo.

Người tu niệm Phật thì sao? Niệm Phật là một câu trung gian. Cứ tin nhớ niệm Phật hoài, chừng nào được nhất tâm bất loạn thì không còn tâm lăng xăng, khi đó thấy Phật A Di Đà. Đây cũng là một phương tiện đưa hành giả tới chỗ giác ngộ. Nhưng nhớ phải nhất tâm bất loạn, chớ không được niệm sơ sơ rồi tính sổ với Phật. Một bên niệm Phật tới nhất tâm bất loạn, một bên tu thiền được định, cũng là nhất tâm.

Điền đảo vọng tưởng phát xuất từ cái thấy hai, phải quấy, thương ghét, tốt xấu... Thấy phải thì chịu, thấy quấy thì ghét. Chính tâm thương ghét đó tạo nghiệp. Tổ nói “còn thấy có lỗi không lỗi”, là thấy hai nên không đạt được đại ý của Phật pháp. Thâm ý Phật pháp là chỗ không hai, ngài Lâm Tế nắm được ý này liền bỏ cái hai mới ngộ đạo. Từ đó về sau ai đến hỏi đạo, Ngài chỉ hét là để khỏi mắc kẹt hai bên.

Hiểu như vậy chúng ta mới thấy trọng tâm tu của đạo Phật là giác ngộ. Giác ngộ cái gì? Kinh Bát-nhã dạy dùng trí tuệ soi thấy thân năm uẩn đều không. Thân năm uẩn gồm sắc uẩn là thân tứ đại, thọ tưởng hành thức là tâm. Thọ là cảm giác, tưởng là tưởng tượng, hành là suy nghĩ, thức là tâm nghĩ tưởng phân biệt. Năm uẩn này tánh nó là không, soi thấy như vậy là có trí tuệ Bát-nhã.

Chúng ta ngày nay tụng thì tụng mà không thấy gì hết. Tụng cho hết thời xuống kể công với Phật, bữa nay tụng mấy biến kinh, con tu khá rồi đó. Tụng kinh như vậy không gọi là tụng kinh. Bởi thế nên cứ thấy thân này là thật, vừa bị xúc phạm liền nổi giận đùng đùng. Thấy tâm này là thật, nên ai chống đối ý kiến mình thì cự cãi với người ta, gây ra bao nhiêu đau khổ. Bây giờ biết thân không thật, tâm không thật thì còn gì đau khổ nữa, nên nói qua hết khổ ách. Tụng kinh hết năm này tháng kia mà khổ vẫn khổ, thì tu có kết quả gì? Đó là tại mình không hiểu, không ứng dụng được lời Phật dạy vào cuộc sống, chớ đâu phải Ngài dạy sai.

Nhìn qua mười mục chấn trâu, chúng ta thấy đường lối tu thiền của Thiền tông rõ ràng trong đó. Con trâu là tâm vọng tưởng, thừng chấn là trí tuệ của mình dùng để điều phục nó. Lúc còn đang điều phục thì còn đối đãi, có trâu có chấn. Khi trâu hết rồi chấn cũng tự mất. Ta dùng trí Bát-nhã là để ruồng phá tất cả các thứ chấp. Khi hết chấp rồi trí Bát-nhã cũng lặng, trở về tâm thể thanh tịnh của mình. Đạo lý ấy thâm sâu vô cùng vô tận. Người tu muốn giải thoát sanh tử phải lặng hết tâm tạo nghiệp. Còn nuôi dưỡng tâm tạo nghiệp thì không bao giờ hết sanh tử.

Lục Tổ khi nói bài pháp đầu tiên cho Thượng tọa Minh, người đuổi theo để giành y bát: “Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, cái gì là bản lai diện mục của

Thượng tọa Minh?” Ngay câu nói ấy, Thượng tọa Minh ngộ đạo.

Bản lai diện mục là gương mặt thật sẵn có muôn đời của chúng ta, khi không nghĩ thiện không nghĩ ác nó sẽ hiện ra. Thế gian thường nói tu không nghĩ ác nhưng phải nghĩ thiện, tại sao ở đây không cho nghĩ thiện nữa? Bởi vì Phật nói trong lục đạo luân hồi, ba đường ác là do nghĩ ác, làm ác mà đọa vào. Ba đường thiện là do nghĩ lành, làm lành mà sanh vào. Tuy nhiên còn sanh là còn tử, chưa ra khỏi vòng luân hồi sanh tử. Cho nên dứt hết hai thứ thiện, ác mới dứt sạch nghiệp. Hết nghiệp thì đi đâu? Là giải thoát sanh tử, mục đích tu duy nhất của chúng ta chỉ có thế thôi.

Chúng ta có tánh Phật sẵn mà cứ bỏ quên chạy theo vọng tưởng hoài. Chạy theo vọng tưởng hoài thì khổ hoài, lang thang trong luân hồi lục đạo. Chừng nào chúng ta trở về với tánh Phật của mình rồi, chừng đó mình như chư Phật chư Tổ, chuyển phàm thành Thánh, không có xa xôi gì hết. Cho nên tu Phật là điều thiết yếu vô cùng. Nhưng nhớ phải tu từ gốc, tu từ tâm chân thật, chớ không phải chỉ tu trên hình thức thôi. Tu chân thật là phải phản quan trở lại mình.

Tại sao chúng tôi chủ trương khôi phục Thiền tông đời Trần? Như trên đã nói, Thái tử Trần Khâm khi từ giả Tuệ Trung Thượng Sĩ đã hỏi về chỗ chủ yếu của thiền. Ngài Tuệ Trung dạy: “Phản quan tự kỷ bản phận sự, bất tùng tha đắc”, tức phải soi lại chính mình, không nên tìm bên ngoài, đó là phận sự gốc. Ngay câu này Ngài lãnh hội liền. Lên ngôi Hoàng Đế một thời gian, sau đó thấy Anh Tông đã lớn, đủ sức cán đáng việc nước, Ngài giao ngôi vua cho con, xuất gia vào núi tu hành.

Như vậy chỗ nhìn, chỗ thấy của Ngài rất chí thiết, rất rõ ràng, đúng với tinh thần của Tổ Huệ Khả. Tìm lại tâm là phản quan chớ gì. Phản quan ở đâu? Ở chính mình, trở lại chính mình. Nhìn lại hệ thống thiền từ tổ Huệ Khả truyền tới tổ Huệ Năng, sang các Thiền sư Việt Nam cùng một hệ thống không khác. Các Ngài đều chỉ cho chúng ta thấy thân không thật, tâm lăng xăng không thật. Nhưng tâm đó là chủ tạo nghiệp nên phải đập tan cho nó hết tâm lăng xăng thì gốc tạo nghiệp sẽ không còn. Không còn tạo nghiệp là giải thoát sanh tử.

Muốn thế trước phải có trí tuệ Bát-nhã ruồng phá các chấp thân, chấp tâm. Trí tuệ Bát-nhã là điều kiện hàng đầu để dẹp trừ tâm tạo nghiệp. Cho nên dù tu pháp môn nào Tịnh độ, Thiền tông hay Mật tông cũng tụng Bát-nhã. Buông dẹp hết các thứ hư giả rồi thì tâm chân thật hiện ra, ông Phật sẵn nơi mình, chớ không đâu xa hết.

Vua Trần Nhân Tông lúc ở ngôi Thái Thượng Hoàng có làm bài phú Cư Trần Lạc Đạo bằng chữ Nôm thật có giá trị. Kết thúc bài phú Ngài viết bốn câu bằng chữ Hán, ý nghĩa rất đầy đủ như sau:

Cư trần lạc đạo thả tùy duyên,
 Cơ tắc xan hề khốn tắc miên.
 Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch,
 Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiên.

Cư trần lạc đạo thả tùy duyên, là ở trong đám bụi trần ví cho người cư sĩ, muốn vui với đạo phải khéo tùy duyên. Tùy duyên là sao?

Cơ tắc xan hề khốn tắc miên, đói đến thì ăn một ngụm liền. Dễ thôi là dễ, tùy duyên bằng cách đói ăn một ngụm, chớ không gì hết. Nghe nói thì dễ nhưng làm được như vậy không phải dễ. Quý vị đói có chịu ăn, một có chịu ngụm không? Nếu đói thì dọn cơm nguội cơm nóng gì ăn cũng được hết. Nhưng trên thực tế, đói thì đói chớ dọn cơm hơi dờ một chút là không chịu ăn. Còn một mà nhớ ai nói lời gì tức quá, trả lời chưa xong cứ lo ăn thua lo khôn dại nên lần qua trở lại hoài, không chịu ngụm. Đó là người không biết tùy duyên.

Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch, là trong nhà có của báu sẵn, đừng tìm kiếm ở đâu hết. Phật sẵn trong nhà rồi chỉ dẹp ba đũa tam bành lục tặc thì Ngài hiện ra ngay. Nhưng chúng ta có chịu dẹp đâu, chẳng những không dẹp mà còn nuôi nữa. Phật ở trong nhà nhưng vì mình mắc lo dòm ngó, chạy theo mấy đũa giặc nên không thấy Phật. Bây giờ muốn thấy Phật của chính mình, phải dẹp hết những điên đảo, những phiền não loạn tưởng vô ích. Dẹp sạch nó rồi thì thấy Phật thôi.

Cho nên Phật dạy người tu phải có Giới, Định, Tuệ. Khi buông bỏ hết các niệm lăng xăng thì được an định, an định thì trí tuệ phát sanh. Trí tuệ này là trí tuệ Phật, trí tuệ của bậc giác ngộ, chớ không phải trí tuệ thế gian. Chúng ta tu là cốt đến chỗ đó. Muốn có trí tuệ giác ngộ trước phải khéo dùng trí tuệ tạm thời là trí tuệ Bát-nhã để ruồng bỏ các đám lăng xăng bên ngoài. Thấy thân thấy tâm đều không thật, các cảnh đều giả dối, chúng ta mới không vướng mắc chúng.

Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiên, là đối với sáu trần chúng ta không có niệm chạy theo. Đây chính là chỗ tổ Huệ Khả nói bật hết các duyên. Không dính với sáu trần là thiên. Cho nên chư Tổ đi cũng thiên, ngồi cũng thiên, làm mọi việc cũng thiên. Người biết tu sống trong cảnh nào, giờ nào cũng tu được hết. Ban đêm rảnh thì ngồi thiên, ban ngày hoạt động cũng vẫn tu. Đi đứng nằm ngồi đều không

vướng mắc với sáu trần, đó là thiên. Thành thời không?

Quý vị suy nghĩ nhiều là thành thời hay buông hết là thành thời? Thành thời là khi nào buông hết suy nghĩ. Bây giờ chúng ta cứ ôm hoài. Nghĩ cái này chưa rồi nghĩ tới cái khác, nghĩ cái khác chưa rồi nghĩ tới cái khác nữa, chông chấp chông chấp lên hoài, rồi bóp đầu bóp trán than khổ. Thôi, buông hết không có gì quan trọng. Thân này còn mắt không quan trọng. Tâm này bị người khinh quý gì cũng không quan trọng, tất nhiên buông được hết mọi thứ trên đời. Danh lợi, tiền tài, sự nghiệp... chỉ là trò chơi. Thân đã tạm bợ, suy nghĩ là giả dối thì có gì quan trọng nữa. Điều quan trọng nhất là chúng ta phải trở về với ông Phật của mình, sống với ông Phật của mình.

Như vậy người tu là người đi tìm lại cái thật của chính mình, vì vậy mới gọi siêu xuất thế gian. Bỏ thân tạm bợ không chấp, bỏ tâm điên đảo không theo, để trở về cái chân thật muôn đời của chính mình, giải thoát sanh tử. Giá trị của người tu chính là chỗ siêu thoát này. Hôm nay tôi nói về giá trị của việc tu thiên cho quý vị biết, để hiểu tại sao tôi dạy chư Tăng Ni các Thiền viện tu vừa dấy niệm buông bỏ, không theo nó. Đó là chỉ thẳng tâm mình, biết cái giả đừng theo. Cái giả hết thì cái thật hiện ra chớ gì. Đó là chủ trương đường lối tôi thấy được, biết được, ứng dụng được rồi chỉ dạy lại cho Tăng Ni, Phật tử cùng tu.

Nếu quý vị xét thấy có lý thì cố gắng tu. Nên nhớ tôi không bắt mọi người đều tu thiên hết, làm sao bắt được. Tu niệm Phật cũng hay, nhưng với điều kiện phải nhất tâm bất loạn mới được. Không nên nghĩ đời này tu lưng chừng gieo duyên, đây là một sai lầm lớn, làm hỏng đi một đời tu. Đời này mất đời sau biết ta có được làm thân người, có gặp Phật pháp không? Thế nên đã được thân người, đã gặp Phật pháp phải ráng tu cho tới nơi tới chốn. Như thế mới đúng tinh thần của người xuất gia. Đó là lời khuyên nhắc của chúng tôi.

